

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 7 – 2020

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Nguyễn Quốc Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Xuân Nữ– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Lưu Lý A, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 583/B, ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã TG, huyện TS, tỉnh AG.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T là Luật sư của Văn phòng luật sư PT thuộc Đoàn luật sư tỉnh AG.

**- Bị đơn:** Anh Trần Ngân T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Số 583/B, ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Lưu Lý A, anh Trần Ngân T1 có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Lưu Lý A trình bày:**

*Về hôn nhân:* Chị Lưu Lý A và anh Trần Ngân T1 kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 21/5/2015. Hôn nhân giữa chị A và anh T1 được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên chơi game, uống rượu, không chăm lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12 năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Chị Lưu Lý A nhận thấy không còn tình cảm với anh Trần Ngân T1.

Chị Lưu Lý A yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngân T1.

*Về con chung:* Chị A và anh T1 có hai con chung tên Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017. Hiện nay, hai con chung đang sống chung chị A. Chị Lưu Lý A yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Ngân T1 trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh T1 thống nhất, anh T1 và chị A kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện ThB, tỉnh ĐT vào ngày 21/5/2015. Hôn nhân giữa chị A và anh T1 được xây dựng trên cơ sở tự tình cảm.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, phát sinh mâu thuẫn do trước đây anh T1 có chơi game, có nhậu với bạn bè. Ngoài ra, mâu thuẫn còn xuất phát từ việc vào khoảng tháng 12/2018 chị A về nhà cha, mẹ ruột sinh sống và không trở về sống chung với anh T1. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12 năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có không hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Anh Trần Ngân T1 đồng ý ly hôn với chị Lưu Lý A.

*Về con chung:* Chị A và anh T1 có hai con chung tên là Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017. Hiện nay, hai con chung đang sống chung chị A. Anh Trần Ngân T1 yêu cầu được nuôi con chung Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 đồng ý để chị A tiếp tục nuôi con chung tên Trần Lưu Mộng T, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Lý A, cụ thể:

*Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Lý A và anh Trần Ngân T1.

*Về con chung:* Giao 02 con chung tên Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017 cho chị Lưu Lý A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng, do chị A không yêu cầu.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);
- Trích lục khai sinh của Trần Ngân Q và Trần Lưu Mộng T (Bản sao);
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của chị Lưu Lý A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Ngân T1 cư trú tại số 583/B, ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lưu Lý A và anh Trần Ngân T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, chị A và anh T1 kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện ThB, tỉnh ĐTvào ngày 21/5/2015, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên chơi game, uống rượu, không chăm lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12 năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, hiện nay chị A và anh T1 không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, việc thuận tình ly hôn giữa chị A và anh T1 không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị A yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017.

Xét thấy, chị A và anh T1 đều xác định, hiện nay chị A đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường

sống, để đảm bảo cho cháu Q và cháu T phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Q và cháu T cho chị A nuôi dưỡng. Vì vậy, chị A yêu cầu nuôi con chung tên Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị A không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh T1 đều xác định là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét yêu cầu của anh T1: Về hôn nhân: Anh Trần Ngân T1 đồng ý ly hôn với chị Lưu Lý A; về con chung: Anh Trần Ngân T1 yêu cầu được nuôi con chung Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 đồng ý để chị A tiếp tục nuôi con chung tên Trần Lưu Mộng T, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, cũng như phân tích nêu trên, yêu cầu của anh T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lưu Lý A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Lý A.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Lý A và anh Trần Ngân T1.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Ngân Q, sinh ngày 16/4/2015 và Trần Lưu Mộng T, sinh ngày 30/6/2017 cho chị Lưu Lý A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị A không yêu cầu.

Chị A và anh T1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Lý A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2019/0001772 ngày 06/3/20220 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị A đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CCTHA DS huyện Thanh Bình;
- UBND xã BT, huyện TB, tỉnh DT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Võ Văn Hồng Biên**